| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SƠN ĐỘNG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Văn Minh.

Bà Hoàng Thị Chung.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Trung Kiên – Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2021, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

***2. Bị đơn:*** Chị Hà Thị L, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (Nay là xã Đ), huyện S, tỉnh Bắc Giang ngày 19/01/2010. Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/11/2010 và cháu Hoàng Khánh T, sinh ngày 28/3/2015. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu B và cháu T và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Hà Thị L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để làm việc nhưng chị L không đến cũng như không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án*.

**Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn anh Hoàng Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với chị Hà Thị L và được nuôi cháu Hoàng Gia B và Hoàng Khánh T, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động:

- Việc thụ lý vụ án của Tòa án: Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS.

- Thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: đúng theo quy định của pháp luật tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

- Việc xác định mối quan hệ pháp luật: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo đúng quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xác định vụ việc thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: đúng theo khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

- Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn: đúng theo Điều 68 BLTTDS.

- Việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ: tiến hành lấy lời khai của đương sự, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được là đúng theo quy định tại các Điều 98, 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

- Về quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đã ghi đầy đủ nội dung theo khoản 1 Điều 220 BLTTDS.

- Về thời hạn Tòa án gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Về việc giao các văn bản của Toà án cho đương sự: Đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản của Toà án đến đương sự đúng theo quy định tại Điều 177, Điều 178 BLTTDS.

**Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:**

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

**Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:**

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành pháp luật.

**Đề nghị HĐXX:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, xử:

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Hà Thị L.

2- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/11/2010 và cháu Hoàng Khánh T, sinh ngày 28/3/2015. Chị Hà Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Thức.

Chị Hà Thị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3- Về án phí: Anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Hà Thị L, có địa chỉ tại thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là chị Hà Thị L vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (Bà Vi Thị Vá là mẹ đẻ cũng đã xác nhận đã gửi, thông báo các văn bản của Tòa án cho chị L). Căn

cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T kết hôn với chị Hà Thị L trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (Nay là xã Đ), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang ngày 19/01/2010. Anh Thức cũng đã cung cấp được giấy đăng ký kết hôn. Như vậy hôn nhân của anh Thức và chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Thức xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh và chị L đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án, các phiên làm việc cũng như các phiên tòa đối với chị L nhưng chị L đều không đến làm việc cũng như không có văn bản ý kiến nào gửi cho Tòa án. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng anh Thức, chị L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần cho Hoàng Văn T được ly hôn với chị Hà Thị L.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh Thức, chị L có 02 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/11/2010 và cháu Hoàng Khánh T, sinh ngày 28/3/2015. Khi ly hôn anh Thức đề nghị được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến để làm việc nhưng chị L không đến, cũng không có quan điểm gì về việc nuôi con chung và hiện cháu B và cháu T đang ở với anh Thức, vẫn phát triển bình thườngvề mọi mặt. Nên cần giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/11/2010 và cháu Hoàng Khánh T, sinh ngày 28/3/2015 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh Thức tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không cần buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Thức.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Thức không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị L cũng không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí: Do anh Thức thuộc hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1- Về quan hệ hôn nhân:** Anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Hà Thị L.

**2- Về con chung:** Giao cho anh Hoàng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 15/11/2010 và cháu Hoàng Khánh T, sinh ngày 28/3/2015. Chị Hà Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Thức.

Chị Hà Thị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

**3- Về án phí:** Anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**4- Về quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- UBND xã Đ, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Ngô Văn Quang**